



### **THÔNG TIN CHUNG VỀ SẢN PHẨM**

**Phú Hưng Đại Phúc** mang đến sự bảo vệ toàn diện trước những rủi ro không mong muốn. Sản phẩm còn là một công cụ đầu tư hiệu quả cùng với sự linh hoạt tối đa nhằm giúp bạn đạt được những mục tiêu tài chính cho những dự định, ước mơ của bản thân trong thời gian ngắn nhất.

► **Linh hoạt phù hợp với nhu cầu và khả năng của khách hàng**

- Có nhiều lựa chọn về thời hạn hợp đồng, thời hạn đóng phí bảo hiểm cơ bản
- Có thể rút tiền bất cứ lúc nào từ Giá trị tài khoản hợp đồng sau năm đầu tiên
- Có thể tham gia hoặc hủy bỏ các Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

► **Bảo vệ toàn diện**

- Được bảo vệ trọn thời hạn hợp đồng
- Có thể mở rộng phạm vi bảo vệ bằng cách tham gia các Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

► **Đầu tư thông minh, tích lũy hiệu quả**

- Được hưởng lãi đầu tư thực tế và Lãi suất cam kết hấp dẫn từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung
- Được hưởng khoản Thưởng duy trì hợp đồng
- Có thể đầu tư thêm hoặc rút tiền từ Giá trị tài khoản đóng thêm với 0% phí rút tiền

Chuyên viên Tư vấn tài chính: dt\_training

Mã số Tư vấn tài chính: dt\_training

Ngày in: 20/05/2022 - 09:09:22

Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng (Phú Hưng Life) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/GP/KDBH được Bộ Tài chính cấp ngày 30/08/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC6/KDBH ngày 24/06/2019.

Phú Hưng Life hướng đến việc cung cấp giải pháp bảo vệ tương lai tài chính và sức khỏe toàn diện nhất nhằm mang lại cuộc sống thịnh vượng và hạnh phúc cho tất cả khách hàng.

# TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

## PHÚ HƯNG ĐẠI PHÚC - LỰA CHỌN 3

Kế hoạch tài chính cho từng ước mơ

Đơn vị: Đồng

### THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm (BMBH)	Nguyễn Văn A	Nam	01/01/1991	31	2
Người được bảo hiểm (NĐBH)	Nguyễn Văn A	Nam	01/01/1991	31	2

### THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

NĐBH	Thời hạn hợp đồng/ Thời hạn bảo hiểm [1]	Thời hạn đóng phí (dự kiến)	Định kỳ đóng phí: hàng năm	
			Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm
Sản phẩm chính Nguyễn Văn A	15	15	500.000.000	Cơ bản [2]
			Tổng phí bảo hiểm	
Phí đóng theo định kỳ [3]		Nửa năm	Năm	
Phí bảo hiểm cơ bản		7.580.000	15.160.000	
<b>Phí đóng dự kiến [4]</b>	<b>Phí bảo hiểm dự kiến</b>	<b>Phí bảo hiểm cơ bản</b>	<b>Phí bảo hiểm đóng thêm</b>	
Năm hợp đồng đầu tiên	15.160.000	15.160.000	-	
Năm hợp đồng thứ hai	15.160.000	= 15.160.000	+	-
Năm hợp đồng thứ ba	15.160.000	15.160.000	-	

#### **Ghi chú:**

[1] Đối với Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ bị hủy bỏ giữa chừng theo dự kiến của khách hàng, Thời hạn bảo hiểm được minh họa ngắn hơn so với Thời hạn cam kết theo Quy tắc và Điều khoản.

[2] Thời hạn đóng Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính là 15 năm.

[3] Phí bảo hiểm là tương ứng theo định kỳ đóng phí được chọn bởi khách hàng với điều kiện Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Công ty.

[4] Phí đóng dự kiến là khoản tiền khách hàng dự kiến đóng trong tương lai tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm. Phí đóng dự kiến cho các năm hợp đồng thứ tư trở đi được thể hiện trong Bảng minh họa ở trang sau của Tài liệu này. Phí đóng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn phí đóng dự kiến tùy theo khả năng

# TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

## PHÚ HƯNG ĐẠI PHÚC - LỰA CHỌN 3

*Kế hoạch tài chính cho từng ước mơ*

tài chính của khách hàng.

[5] Trong thời gian đóng phí bắt buộc, khách hàng phải đóng phí định kỳ (tháng, quý, nửa năm, năm) đầy đủ và đúng hạn, nếu không sẽ bị chấm dứt hợp đồng sau thời gian gia hạn đóng phí.

### THÔNG TIN QUYỀN LỢI CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

#### I. Quyền lợi bảo hiểm

	NĐBH	Sự kiện bảo hiểm	Số tiền chi trả khi xảy ra sự kiện bảo hiểm
Sản phẩm chính	Nguyễn Văn A	Tử vong	Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm (STBH) và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm
		Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm (STBH) và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm nếu NĐBH dưới 65 tuổi

#### II. Quyền lợi đầu tư

**Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư** Hàng tháng GTTK sẽ được tính lãi theo mức Lãi suất đầu tư tại từng thời điểm, nhưng sẽ không thấp hơn mức lãi suất sau:

Năm hợp đồng	1 - 5	6 - 7	8	9+
Lãi suất tối thiểu cam kết	3,0%	2,5%	2,0%	1,0%

#### Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng

Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, vào Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ ba (03) và thứ năm (05), nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính của những năm hợp đồng liền trước đã được đóng đủ, một Khoản thưởng duy trì hợp đồng sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản như sau

Lựa chọn của sản phẩm chính	% Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính quy năm	
	Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 3	Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5
Lựa chọn 1		10%
Lựa chọn 2	30%	
Lựa chọn 3	20%	10%

#### Quyền lợi đáo hạn

Đến Ngày đáo hạn hợp đồng, toàn bộ GTTK sẽ được chi trả.

# TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

## PHÚ HƯNG ĐẠI PHÚC - LỰA CHỌN 3

Kế hoạch tài chính cho từng ước mơ

**BẢNG MINH HỌA GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI [1]**

Đơn vị: 1000 Đồng

Năm HD	Tuổi ND BH	Tổng phí bảo hiểm hàng năm	Giá trị đảm bảo với mức lãi suất cam kết tối thiểu				Giá trị minh họa ở mức lãi suất 6%/năm					Giá trị minh họa ở mức lãi suất 6,5%/năm					
			Thưởng duy trì hợp đồng/đặc biệt	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị hoàn lại [2]	QLBH tử vong/TTTBVV	Thưởng duy trì hợp đồng/đặc biệt	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị hoàn lại [2]	QLBH tử vong/TTTBVV	Thưởng duy trì hợp đồng/đặc biệt	Giá trị tài khoản cơ bản	Giá trị tài khoản đóng thêm	Giá trị hoàn lại [2]	QLBH tử vong/TTTBVV
1	31	15.160		3.329	-	-	500.000		3.445	-	-	500.000		3.464	-	-	500.000
2	32	15.160		13.744	-	2.374	500.000		14.286	-	2.916	500.000		14.377	-	3.007	500.000
3	33	15.160	3.032	27.460	-	18.364	500.000	3.032	28.767	-	19.671	500.000	3.032	28.989	-	19.893	500.000
4	34	15.160		42.423	-	36.359	500.000		45.068	-	39.004	500.000		45.520	-	39.456	500.000
5	35	15.160	1.516	59.304	-	56.272	500.000	1.516	63.818	-	60.786	500.000	1.516	64.599	-	61.567	500.000
6	36	-		59.183	-	59.183	500.000		66.027	-	66.027	500.000		67.176	-	67.176	500.000
7	37	-		58.958	-	58.958	500.000		68.274	-	68.274	500.000		69.826	-	69.826	500.000
8	38	-		58.327	-	58.327	500.000		70.551	-	70.551	500.000		72.546	-	72.546	500.000
9	39	-		56.985	-	56.985	500.000		72.850	-	72.850	500.000		75.328	-	75.328	500.000
10	40	-		55.490	-	55.490	500.000		75.158	-	75.158	500.000		78.166	-	78.166	500.000
11	41	-		53.830	-	53.830	500.000		77.470	-	77.470	500.000		81.055	-	81.055	500.000
12	42	-		51.993	-	51.993	500.000		79.777	-	79.777	500.000		83.991	-	83.991	500.000
13	43	-		49.971	-	49.971	500.000		82.077	-	82.077	500.000		86.976	-	86.976	500.000
14	44	-		47.765	-	47.765	500.000		84.378	-	84.378	500.000		90.023	-	90.023	500.000
15	45	-		45.363	-	45.363	500.000		86.673	-	86.673	500.000		93.129	-	93.129	500.000
<b>Tổng cộng/ Cộng dồn</b>		<b>75.800</b>	<b>4.548</b>	<b>45.363</b>	-	<b>45.363</b>	<b>500.000</b>	<b>4.548</b>	<b>86.673</b>	-	<b>86.673</b>	<b>500.000</b>	<b>4.548</b>	<b>93.129</b>	-	<b>93.129</b>	<b>500.000</b>

**Ghi chú:**

[1] Các số liệu minh họa trên đây là dựa trên giả định rằng toàn bộ phí bảo hiểm dự tính đã được đóng đầy đủ, đúng hạn và Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Công ty.

[2] Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng nhận được khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn. Giá trị hoàn lại được xác định bằng GTTK trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (được mô tả ở trang sau).

# TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

## PHÚ HƯNG ĐẠI PHÚC - LỰA CHỌN 3

Kế hoạch tài chính cho từng ước mơ

**BẢNG MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ, GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG [1]**

Đơn vị: 1000 Đồng

Năm HĐ	Tuổi ND BH	Phí bảo hiểm dự kiến				Các khoản khấu trừ				GTTK tại mức lãi suất cam kết tối thiểu	GTTK tại mức lãi suất dự kiến 6%/năm	GTTK tại mức lãi suất dự kiến 6,5%/năm
		Tổng phí bảo hiểm hàng năm	Sản phẩm chính	Quyền lợi hỗ trợ	Phí BH đóng thêm	Phí ban đầu	Phí quản lý hợp đồng	Phí BH rủi ro [2]	Phí BH rủi ro hỗ trợ			
1	31	15.160	15.160	-	-	10.612	440	893	-	3.329	3.445	3.464
2	32	15.160	15.160	-	-	3.790	464	910	-	13.744	14.286	14.377
3	33	15.160	15.160	-	-	3.790	488	927	-	27.460	28.767	28.989
4	34	15.160	15.160	-	-	-	512	936	-	42.423	45.068	45.520
5	35	15.160	15.160	-	-	-	536	955	-	59.304	63.818	64.599
6	36	-	-	-	-	-	560	1.010	-	59.183	66.027	67.176
7	37	-	-	-	-	-	584	1.078	-	58.958	68.274	69.826
8	38	-	-	-	-	-	608	1.154	-	58.327	70.551	72.546
9	39	-	-	-	-	-	632	1.242	-	56.985	72.850	75.328
10	40	-	-	-	-	-	656	1.342	-	55.490	75.158	78.166
11	41	-	-	-	-	-	680	1.449	-	53.830	77.470	81.055
12	42	-	-	-	-	-	704	1.564	-	51.993	79.777	83.991
13	43	-	-	-	-	-	720	1.689	-	49.971	82.077	86.976
14	44	-	-	-	-	-	720	1.822	-	47.765	84.378	90.023
15	45	-	-	-	-	-	720	1.961	-	45.363	86.673	93.129
<b>Tổng cộng/ Cộng dồn</b>		<b>75.800</b>	<b>75.800</b>	-	-	<b>18.192</b>	<b>9.024</b>	<b>18.933</b>	-	<b>45.363</b>	<b>86.673</b>	<b>93.129</b>

**Ghi chú:**

[1] Các số liệu minh họa trên đây là dựa trên giả định rằng toàn bộ phí bảo hiểm dự tính đã được đóng đầy đủ, đúng hạn và Người được bảo hiểm có sức khỏe bình thường theo tiêu chuẩn của Công ty.

[2] Phí bảo hiểm rủi ro được minh họa là tương ứng với GTTK ở mức lãi suất 6%/năm.

### CÁC LOẠI PHÍ ĐANG ÁP DỤNG

#### 1. Phí ban đầu

Được khấu trừ từ Phí BH cơ bản và Phí BH đóng thêm trước khi phân bổ vào GTTK, với tỷ lệ % như sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5	6+
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính	70%	25%	25%	0%	0%	0%
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ	60%	40%	20%	6%	4%	2%
Phí bảo hiểm đóng thêm	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	0,0%

#### 2. Phí bảo hiểm rủi ro

Được khấu trừ hàng tháng từ GTTK vào các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng để đảm bảo chi trả QL BH chính và Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ.

#### 3. Phí quản lý hợp đồng

Được khấu trừ hàng tháng từ GTTK vào các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng, với mức khấu trừ vào năm 2022 là 36.000 đồng

Sau năm 2022, Phí quản lý hợp đồng được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát năm liền trước nhưng sẽ không vượt quá mức 60.000/tháng.

#### 4. Phí rút tiền từ GTTK cơ bản

Được khấu trừ từ GTTK cơ bản và được xác định là (khoản tiền dự kiến rút từ Giá trị tài khoản cơ bản / Giá trị hoàn lại của Giá trị tài khoản cơ bản) \* Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.

#### 5. Phí rút tiền từ GTTK đóng thêm

Công ty không tính phí rút tiền từ GTTK đóng thêm.

#### 6. Phí chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

Phí phát sinh khi khách hàng yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước hạn, tính theo % của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của năm đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm	90%	75%	60%	40%	20%	0%

#### 7. Phí quản lý quỹ

Được khấu trừ từ kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung với cam kết không quá 2%/năm.

### CÁC QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

#### 1. Rút tiền từ GTTK đóng thêm

BMBH có thể yêu cầu rút tiền từ Giá trị tài khoản đóng thêm với 0% phí rút tiền

#### 2. Thay đổi các Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực BMBH có thể yêu cầu hủy bỏ hoặc tham gia thêm (các) Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ.

#### 3. Rút tiền từ GTTK

Sau Năm hợp đồng đầu tiên, BMBH có thể yêu cầu rút tiền từ GTTK và nhận lại số tiền bằng với khoản tiền yêu cầu rút ra.

#### 4. Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

Sau Năm hợp đồng đầu tiên, BMBH có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và nhận lại số tiền bằng với GTTK trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. **Tuy nhiên, BMBH không nên chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trong những năm đầu tiên vì phí phải trả là khá cao (xem bảng Phí chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn ở trên).**

# TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

## PHÚ HƯNG ĐẠI PHÚC - LỰA CHỌN 3

*Kế hoạch tài chính cho từng ước mơ*

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	THÔNG TIN LIÊN HỆ
Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng (Phú Hưng Life) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm nhân thọ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/GP/KDBH được Bộ Tài chính cấp ngày 30/08/2013 và Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC6/KDBH ngày 24/06/2019.	Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng Trụ sở chính: Tầng 5, CR3-05 A, 109 Tôn Dật Tiên, Tân Phú, Quận 7, TP. HCM Phone: (028) 5413 7199 Email: vn.customer@phuhunglife.com Fax: (028) 5413 6995 Website: www.phuhunglife.com

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH	XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM
Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này và nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.	<ol style="list-style-type: none"><li>Tôi hiểu Giá trị tài khoản hợp đồng phụ thuộc vào mức Lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra. Vì vậy Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị ghi ở bảng minh họa.</li><li>Tôi hiểu rõ Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu không đóng đủ các khoản Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm bổ trợ trong thời hạn bắt buộc hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để chi trả các Khoản khấu trừ hàng tháng.</li><li>Tôi hiểu rằng Phí quản lý hợp đồng, Phí bảo hiểm rủi ro và Phí bảo hiểm rủi ro bổ trợ sẽ được trừ vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng từ Giá trị tài khoản hợp đồng.</li><li>Tôi hiểu rằng Tài liệu minh họa này không phải là Hợp đồng bảo hiểm.</li><li>Tôi xác nhận đã được tư vấn để lựa chọn giải pháp phù hợp với nhu cầu tài chính của bản thân.</li><li>Tôi xác nhận đã đọc cẩn thận và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết của Tài liệu minh họa cũng như là Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.</li></ol>
Ngày in: <u>20/05/2022 - 09:09:23</u>  Chữ ký: _____ Mã số TVTC: dt_training	Ngày ký: _____  Chữ ký: _____ Nguyễn Văn A



# PHỤ LỤC MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



## DANH SÁCH THƯƠNG TẬT VÀ TỶ LỆ CHI TRẢ

STT	Loại thương tật do tai nạn	Tỷ lệ chi trả theo STBH
1	Mất hai tay, hoặc hai chân, hoặc hai mắt	100%
2	Mất một tay và một chân, hoặc một tay và một mắt, hoặc một chân và một mắt	100%
3	Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tai nạn hoặc mất sức lao động vĩnh viễn với tỷ lệ trên 80%	100%
4	Mất một tay, hoặc một chân, hoặc một mắt	50%
5	Câm (câm hoàn toàn và không thể hồi phục)	50%
6	Mất thính lực (điếc hoàn toàn và không thể hồi phục)	25% mỗi tai
7	Cụt đốt (mất hoàn toàn) ngón tay cái	3% mỗi đốt
8	Cụt đốt (mất hoàn toàn) ngón tay trỏ	2% mỗi đốt
9	Cụt đốt (mất hoàn toàn) các ngón tay khác	1% mỗi đốt
10	Cụt đốt (mất hoàn toàn) ngón chân cái	2% mỗi đốt
11	Cụt đốt (mất hoàn toàn) các ngón chân khác	1% mỗi đốt
12	Vỡ một hoặc nhiều phần xương sọ hoặc chấn thương sọ não cần phẫu thuật mở hộp sọ	10%
13	Gãy một hoặc hai xương hàm (xương hàm dưới và xương hàm trên)	4%
14	Gãy một hoặc nhiều xương mặt khác	2%
15	Gãy thân một hoặc nhiều đốt sống	10%
16	Gãy thân một hoặc nhiều xương chậu (trừ xương cùng)	4%
17	Gãy xương vai	3%
18	Gãy xương cánh tay	2%
19	Gãy xương trụ	2%
20	Gãy xương quay	2%
21	Gãy xương đòn	2%
22	Gãy một hoặc nhiều xương sườn	1%
23	Gãy một hoặc nhiều xương cổ tay, xương đốt bàn tay hoặc xương đốt ngón tay	1%
24	Gãy thân hoặc cổ xương đùi	6%
25	Gãy thân xương chày	4%
26	Gãy thân xương mác	2%
27	Gãy xương bánh chèo	2%
28	Vỡ/rách sụn chêm giữa hay bên khớp gối	2%
29	Gãy xương mắt cá giữa hoặc bên, xương sên hoặc xương gót chân	2%
30	Gãy một hoặc nhiều xương đốt bàn chân hoặc xương đốt ngón chân	1%
31	Chấn thương tủy có chỉ định phẫu thuật	4%
32	Thủng dạ dày, ruột non hoặc ruột già	4%
33	Vỡ lách do chấn thương và có chỉ định phẫu thuật	4%
34	Vỡ gan do chấn thương và có chỉ định phẫu thuật	4%
35	Tràn máu màng phổi do chấn thương bên ngoài	4%
36	Vỡ thận do chấn thương thận và có chỉ định phẫu thuật	4% mỗi thận
37	Rách hoặc đứt niệu đạo	3%
38	Rách thành bàng quang	3%
39	Đứt một niệu quản	2%
40	Đứt hoàn toàn một hoặc nhiều dây chằng đầu gối	2%

## DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO VÀ TỶ LỆ CHI TRẢ

Nhóm	STT	Bệnh hiểm nghèo	Tỷ lệ chi trả theo STBH
1	1	Bệnh Alzheimer	100%
	2	Phẫu thuật động mạch chủ	
	3	U não lành tính	
	4	Mù hai mắt	
	5	Bệnh gan mãn tính	
	6	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	
	7	Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	
	8	Viêm gan siêu vi thể tối cấp	
	9	Chấn thương sọ não	
	10	Phẫu thuật thay van tim	
	11	Suy thận	
2	12	Ung thư đe dọa tính mạng	200%
	13	Bồng nặng	
	14	Thương tật nghiêm trọng	
	15	Ghép cơ quan chính	
	16	Viêm màng não do vi khuẩn	
	17	Nhồi máu cơ tim	
	18	Bệnh Parkinson	
	19	Bại liệt	
	20	Viêm đa khớp dạng thấp	
	21	Viêm não nặng	
	22	Đột quỵ	
	23	Xơ gan giai đoạn cuối	
	24	Bệnh nặng giai đoạn cuối	
	25	Thiếu máu bất sản	
3	26	Ghép tủy	300%
	27	Bệnh chân voi	
	28	Mất thính lực hai tai	
	29	Mất hai chi	
	30	Bệnh nang ở tủy thận	
	31	Đa xơ cứng	
	32	Bệnh loạn dưỡng cơ	
	33	Viêm cân mạc hoại tử	
	34	Tăng áp động mạch phổi nguyên phát	
	35	Bệnh teo cơ tủy	
	36	Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống	
37	Xơ cứng cột bên teo cơ		
38	Hôn mê		
39	Mất thanh		
40	Liệt hai chi		

## PHỤ LỤC MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM



### DANH SÁCH BỆNH, PHẪU THUẬT VÀ TỶ LỆ CHI TRẢ

STT	Danh mục bệnh	Tỷ lệ chi trả theo STBH	Ghi chú		
	<b>Ung thư giai đoạn đầu</b>				
1	Ung thư biểu mô tại chỗ của vú	25%	<i>Quyền lợi được chi trả lên đến 04 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm.</i>		
2	Ung thư biểu mô tại chỗ của tử cung				
3	Ung thư biểu mô tại chỗ của cổ tử cung				
4	Ung thư biểu mô buồng trứng giai đoạn sớm				
5	Ung thư biểu mô tại chỗ của ống dẫn trứng				
6	Ung thư biểu mô tại chỗ của âm đạo				
7	Ung thư biểu mô tại chỗ của âm hộ				
8	Ung thư biểu mô da giai đoạn sớm				
	<b>Phẫu thuật điều trị, phục hồi do ung thư</b>				
1	Phẫu thuật cắt bỏ vú	25%	<i>Quyền lợi được chi trả lên đến 04 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm.</i>		
2	Phẫu thuật tạo hình vú				
3	Phẫu thuật cắt bỏ tử cung				
4	Phẫu thuật ghép da do ung thư da				
	<b>Phẫu thuật điều trị, phục hồi do tai nạn</b>				
5	Phẫu thuật tạo hình mặt do tai nạn				
6	Phẫu thuật ghép da do bỏng				
	<b>Ung thư giai đoạn sau</b>				
1	Ung thư vú	200%	<i>Sau khi quyền lợi này được chi trả, sản phẩm bảo trợ sẽ chấm dứt hiệu lực.</i>		
2	Ung thư tử cung				
3	Ung thư cổ tử cung				
4	Ung thư buồng trứng				
5	Ung thư ống dẫn trứng				
6	Ung thư âm đạo				
7	Ung thư âm hộ				
8	Ung thư tế bào hắc tố của da				

### DANH SÁCH BIẾN CHỨNG THAI SẢN VÀ TỶ LỆ CHI TRẢ

STT	Danh mục bệnh	Tỷ lệ chi trả theo STBH	Ghi chú
	<b>Biến chứng thai sản</b>		
1	Sản giật	50%	<i>Quyền lợi được chi trả lên đến 02 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm.</i>  <i>Thời gian loại trừ bảo hiểm của quyền lợi bảo hiểm biến chứng thai sản là hai trăm bảy mươi (270) ngày.</i>
2	Đông máu nội mạch lan tỏa		
3	Thai lạc chỗ (thai ngoài tử cung)		
4	Thai trứng		
5	Thai lưu		
6	Thiếu ối		
7	Gan nhiễm mỡ cấp		
8	Sẩy thai do tai nạn		

THÔNG BÁO DỊCH VỤ THANH TOÁN TỰ ĐỘNG QUA NGÂN HÀNG

# “ĐÓNG PHÍ TỰ ĐỘNG, NHẬN NGAY TIỀN THƯỜNG”

*Kính thưa Quý khách,*

Với nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, Phú Hưng Life triển khai thêm Dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm tự động qua ngân hàng Vietcombank nhằm giúp Quý khách thuận tiện hơn khi thanh toán phí bảo hiểm Phú Hưng Life.

## ƯU ĐIỂM

**Quý khách không phải bận tâm về thời hạn và thủ tục đóng phí:** Ngân hàng sẽ tự động trích tiền từ tài khoản để thanh toán phí bảo hiểm khi đến hạn, giúp đảm bảo quyền lợi bảo hiểm xuyên suốt.

**Ưu đãi hấp dẫn:** Thưởng ngay 2% trên phí định kỳ đóng vào cho hợp đồng có phí định kỳ từ 3 triệu đồng. Quý khách có thể nhận thưởng hoặc sử dụng để đóng phí cho định kỳ tiếp theo.

## CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ ĐƠN GIẢN

Quý khách chỉ cần điền thông tin vào **ỦY QUYỀN TRÍCH NỢ** (mẫu đính kèm) và gửi về cho chúng tôi theo địa chỉ:  
Công ty Cổ Phần BHNT Phú Hưng,  
Tầng 5, CR3-05A, 109 Tôn Dật Tiên,  
Quận 7, TP.HCM.

*Ghi chú: Áp dụng với khách hàng đã có tài khoản cá nhân hoặc thẻ thanh toán (ATM) tại Vietcombank.*

## HIỆN TẠI KÊNH THANH TOÁN NÀO ĐƯỢC QUÝ KHÁCH QUAN TÂM?

### QUA NGÂN HÀNG

- |  |                                      |
|--|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Vietcombank (tiền mặt)          | <input type="checkbox"/> Sacombank   |
| <input type="checkbox"/> Vietcombank (Ủy quyền trích nợ) | <input type="checkbox"/> Nam Á bank  |
| <input type="checkbox"/> Techcombank                     | <input type="checkbox"/> ACB         |
| <input type="checkbox"/> Agribank                        | <input type="checkbox"/> BIDV        |
|  | <input type="checkbox"/> Khác: ..... |

### TRỰC TUYẾN

- |                                      |
|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Momo        |
| <input type="checkbox"/> Payoo       |
| <input type="checkbox"/> Khác: ..... |

### TIỀN MẶT

- |   |
|---|
| <input type="checkbox"/> Nộp tại văn phòng công ty              |
| <input type="checkbox"/> Nộp cho đại lý phục vụ/ đại lý thu phí |


Chân thành cảm ơn sự quan tâm và ủng hộ của Quý khách dành cho Phú Hưng Life. Chúng tôi luôn sẵn sàng phục vụ Quý khách.

### Thông tin chi tiết xin liên hệ:

Tổng đài chăm sóc khách hàng: ☎ (84.28) 5413.7189

✉ [vn.customer@phuhunglife.com](mailto:vn.customer@phuhunglife.com)

*Here for you, for life*

<b>ỦY QUYỀN TRÍCH NỢ</b> (Ủy quyền qua bên Ủy nhiệm thu) Ngày ..... tháng ..... năm.....					 Vietcombank Chung niềm tin vững tương lai		
<b>Kính gửi: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)</b>							
<b>1</b>	<b>Bên ủy quyền</b>						
	Họ tên/Công ty:						
	Người đại diện:						
	Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp số				ngày		
	CMT/Hộ chiếu/ĐKKD:		Ngày cấp:		Nơi cấp:		
	Địa chỉ:						
	Điện thoại:		Email:				
<b>2</b>	<b>Bên được ủy quyền:</b>						
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)						
<b>3</b>	<b>Phạm vi ủy quyền</b>						
	(i) Bên ủy quyền bằng văn bản này ủy quyền cho Vietcombank tự động trích nợ tài khoản của Bên ủy quyền mở tại Vietcombank (Tài khoản ủy quyền) để thanh toán khi Vietcombank nhận được chứng từ yêu cầu trích nợ (Ủy nhiệm thu) từ Bên Ủy nhiệm thu tương ứng theo danh sách dưới đây:						
<b>S T T</b>	<b>Tài khoản ủy quyền</b>	<b>Bên Ủy nhiệm thu</b>			<b>Mã KH được thanh toán</b>	<b>Tên KH được thanh toán</b>	<b>Thời gian được phép trích nợ trong thời hạn ủy quyền</b>
		Tên	Số TK ghi có	Tại NH			
1	.....	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng	018.100. 3409280	VCB	.....	.....	Bất kể thời điểm nào trong thời hạn ủy quyền.
	.....				.....	.....	
	.....				.....	.....	
	(ii) Tùy thuộc vào thỏa thuận giữa Bên Ủy nhiệm thu và Vietcombank về việc thanh toán phí dịch vụ liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn bởi phí thu hộ theo bảng kê và phí chuyển tiền), theo đó Bên ủy quyền trên đây là bên chịu toàn bộ hoặc một trong các loại phí này, thì Bên ủy quyền bằng văn bản này ủy quyền cho Vietcombank được tự động trích nợ Tài khoản ủy quyền thuộc danh sách trên để thu khoản phí tương ứng.						
	(iii) Số tiền trích nợ phụ thuộc nội dung của từng Ủy nhiệm thu do Bên Ủy nhiệm thu gửi cho Vietcombank.						
<b>4</b>	<b>Thời hạn ủy quyền</b>						
	(i) Văn bản ủy quyền này có hiệu lực từ ngày được Vietcombank xác nhận là hợp lệ cho đến ngày ..... hoặc khi Vietcombank nhận được và xác nhận hợp lệ đối với văn bản huỷ ủy quyền trích nợ.						
	(ii) Hiệu lực của mỗi một ủy quyền trích nợ tự động nêu trên đây bắt đầu từ ngày Văn bản ủy quyền này có hiệu lực và sẽ chấm dứt khi (i) Vietcombank nhận được thay đổi thông tin về tài khoản của Bên ủy quyền và/hoặc thông tin về Bên Ủy nhiệm thu tương ứng đã đăng ký; hoặc (ii) khi Vietcombank nhận được và xác nhận hợp lệ đối với văn bản huỷ ủy quyền trích nợ hoặc (iii) Ủy quyền trích nợ hết hiệu lực, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.						
<b>5</b>	<b>Cam kết của Bên ủy quyền</b>						

(i)	Lựa chọn và đăng ký hình thức thanh toán tiền mua hàng, sử dụng dịch vụ với Bên Ủy nhiệm thu. Bên ủy quyền cam kết đảm bảo các tài khoản ủy quyền luôn đủ số dư vào thời điểm thanh toán để Vietcombank ghi nợ theo yêu cầu của Bên ủy nhiệm thu.					
(ii)	Vietcombank được miễn trách trong các trường hợp khi thực hiện đúng Ủy nhiệm thu của Bên ủy nhiệm thu trong thời hạn ủy quyền nêu trên. Mọi tranh chấp về và liên quan đến giao dịch giữa tôi/chúng tôi và bên ủy nhiệm thu làm phát sinh quyền thu tiền của bên ủy nhiệm thu và nghĩa vụ trả tiền của tôi/chúng tôi do các bên tự giải quyết và các bên sẽ không viện dẫn bất kỳ tranh chấp nào để ảnh hưởng đến quá trình cung cấp dịch vụ của Vietcombank (kể cả với những khoản thu hộ đã thực hiện) và/hoặc chối bỏ/loại trừ nghĩa vụ thanh toán (nếu có) đối với Vietcombank.					
(iii)	Bên ủy quyền chỉ được phép hủy Ủy quyền trích nợ khi được sự đồng ý của Bên ủy nhiệm thu.					
(vi)	Những thông tin được cung cấp ở trên là đầy đủ và chính xác.					
	<p align="center"><b>Phần dành cho khách hàng cá nhân</b></p> <p align="center">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p align="center"><b>Phần dành cho khách hàng tổ chức</b></p> <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td align="center" style="width: 50%;"><i>Kế toán trưởng</i></td> <td align="center" style="width: 50%;"><i>Chủ tài khoản</i></td> </tr> <tr> <td align="center">(Ký, ghi rõ họ tên)</td> <td align="center">(Ký tên, đóng dấu)</td> </tr> </table>	<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Chủ tài khoản</i>	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Chủ tài khoản</i>					
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)					
<b>6</b>	<b>Xác nhận và cam kết của Bên ủy nhiệm thu</b>					
	<p>Công ty đã thực hiện việc định danh khách hàng và xác nhận UQTN là chính Bên trả tiền xác lập. Công ty cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đến giả mạo UQTN này theo hợp đồng số ... đã ký giữa hai Bên ngày 10 tháng 02 năm 2017. (Chỉ dùng trong trường hợp Bên ủy nhiệm thu tập hợp UQTN gửi cho VCB)</p>					
	<p align="center"><i>Kế toán trưởng</i></p> <p align="center">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p align="center"><i>Chủ tài khoản</i></p> <p align="center">(Ký tên, đóng dấu)</p>				
<b>7</b>	<b>Xác nhận của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</b>					
	<p>Giờ.....ngày.....Ủy quyền trích nợ được xét là:</p> <p><input type="checkbox"/> Hợp lệ</p> <p><input type="checkbox"/> Không hợp lệ. Lý do:</p> <p><input type="checkbox"/> Chữ ký không đúng</p> <p><input type="checkbox"/> Sai số tài khoản</p> <p><input type="checkbox"/> Lý do khác:.....</p> <p>Ghi chú: VCB được quyền từ chối hiệu lực của UQTN khi xác định chữ kí trên UQTN không giống với chữ ký của khách hàng đã đăng ký tại VCB hoặc các thông tin trên UQTN không khớp đúng với thông tin tài khoản khách hàng tại Ngân hàng.</p> <p align="center" style="margin-top: 20px;">TTV <span style="margin-left: 200px;">LĐP/LĐCN</span></p>					